

Số: 143/2026/QĐST-VDS

S La, ngày 04 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - S LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 201/2026/VDS-HNGĐ ngày 15/01/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Tòng Văn S, sinh ngày 10/06/2003. Số căn cước công dân số 014203010891. Địa chỉ: Bản Ph H C, xã Chiềng Mung, tỉnh S La.

- Chị Quàng Thị L, sinh ngày 27/10/2002. Số căn cước công dân số 014302011125. Địa chỉ: Bản Phang Hụn Có, xã Chiềng Mung, tỉnh S La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Tòng Văn S và chị Quàng Thị L kết hôn năm 2023 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Anh chị được Ủy ban nhân dân xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã, tỉnh S La cấp giấy đăng ký kết hôn ngày 07/12/2023. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau dẫn đến tình cảm rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau khi được gia đình hòa giải không thành, anh chị đã sống ly thân từ ngày 08/06/2025 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh chị xác định không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, anh S và chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, giữ

nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh S và chị L xác định có 01 con chung là cháu Tòng Thị Mai Kiều, sinh ngày 08/06/2024. Anh chị thỏa thuận chị Quảng Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tòng Thị Mai Kiều cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh S nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 1.000.000VNĐ/ 1 tháng cho đến khi cháu trưởng thành. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên, đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển của con chung nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh S và chị L thống nhất xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy, yêu cầu của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Anh S, chị L thống nhất xác nhận vợ chồng không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

[5] Về lệ phí tòa án: Anh Tòng Văn S và chị Quảng Thị L đề nghị miễn lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn do anh chị là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 27 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Tòng Văn S và chị Quảng Thị L.
 - Về con chung: Anh S, chị L có 01 con chung là cháu Tòng Thị Mai Kiều, sinh ngày 08/06/2024. Anh chị thống nhất giao cháu Kiều cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh S nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L cho cháu Kiều là 1.000.000VNĐ/ 1 tháng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).
- Sau khi ly hôn, anh S được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

- Về nợ chung vợ chồng: Không có.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Tòng Văn S và chị Quàng Thị L được miễn lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh S La;
- VKSND khu vực 4 – S La;
- UBND xã Chiềng Khoong, tỉnh S La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh